



THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM

DULUX AQUATECH FLEX WATERPROOFING

1. Nhận dạng sản phẩm và công ty

Tên sản phẩm : DULUX AQUATECH FLEX WATERPROOFING
Ứng dụng sản phẩm : Sơn phủ gốc nước ngoại thất.

Các chi tiết về nhà cung cấp bản dữ liệu an toàn

CÔNG TY TNHH SƠN AKZO NOBEL VIỆT NAM
ĐT: (84 650) 356 7759
1. Sơn nước:
Sản xuất tại:
BD: Lô E-1-CN,
KCN Mỹ Phước 2,
Huyện Bến Cát,
Tỉnh Bình Dương.
2. Bột trét:
Sản xuất tại:
HN: Lô 48, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.
HCM: Số 8, Kho Thủ Đức, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Sơn dầu Maxilite & Maxilite AC Red Primer
Sản xuất tại:
DN: Đường số 7, KCN Biên Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ email : info.vn@akzonobel.com

Emergency essential information

Số Điện Thoại : Số điện thoại khẩn cấp nội địa (24 giờ/mỗi ngày): 1900 555 561
Số điện thoại khẩn cấp dành cho nước ngoài (8:30 - 17:30/T2 - T6):
+84 8 3822 1612
Số điện thoại của phòng dịch vụ khách hàng (8:30 - 17:30/ T2 - T6):
+84 8 38221612

Phiên bản : 0.06

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm : DỊ ỨNG DA - Loại 1
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 1
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2

[Các thành phần cơ bản của nhãn GHS \(Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất\)](#)

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo :

Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ :

H317 - Có thể gây dị ứng da.
H400 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H411 - Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các công bố về phòng ngừa

Tổng quát :

P102 - Để xa tầm tay của trẻ em.
P101 - Khi cần tư vấn y khoa, mang theo thùng sơn hoặc nhãn sản phẩm.

Ngăn chặn :

P262 - Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.

Phản ứng :

P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu quý vị cảm thấy không khỏe.

Lưu trữ :

Không áp dụng.

Xử lý :

P501 - Thải bỏ sơn và thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Thành phần nguy hiểm :

1-isopropyl-2,2-dimethyltrimethylene diisobutyrate
pyrithione zinc
terbutryn
C(M)IT/MIT(3:1)

3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế :

Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
1-isopropyl-2,2-dimethyltrimethylene diisobutyrate	6846-50-0	-	1 - < 2.5
pyrithione zinc	13463-41-7	C10-H8-N2-O2-S2-Zn	0 - <1
terbutryn	886-50-0	C10-H19-N5-S	0 - <1
C(M)IT/MIT(3:1)	55965-84-9	C4-H5-N-O-S. C4-H4-Cl-N-O-S	0 - <1

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và kiến thức chuyên ngành áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt :

Rửa sạch mắt ngay lập tức với nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục rửa mắt trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc nếu có khó chịu.

Hít phải :

Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, tiến hành hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên đã được huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người tiến hành cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Đưa đi chăm sóc y tế nếu tình trạng sức khỏe xấu tiếp diễn hoặc trở nặng. Nếu bất tỉnh, đặt nạn nhân nằm ở tư thế hồi phục và yêu cầu chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các trang phục như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

- Tiếp xúc ngoài da** : Rửa sạch chỗ da bị nhiễm hóa chất với thật nhiều nước. Cởi bỏ quần áo và giày dép dính hóa chất. Dùng nước làm sạch chỗ quần áo bị dính hóa chất trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục rửa mắt trong ít nhất 10 phút. Hãy tư vấn bác sĩ. Thậm chí, nếu thấy khó chịu hay triệu chứng, tránh xa phơi nhiễm. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- Nuốt phải** : Rửa sạch miệng bằng nước. Tháo răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Đưa đi chăm sóc y tế nếu tình trạng sức khỏe xấu tiếp diễn hoặc trở nặng. Không được đưa bất kỳ vật gì vào miệng của nạn nhân đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, đặt nạn nhân nằm ở tư thế hồi phục và yêu cầu chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các trang phục như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Hít phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Tiếp xúc ngoài da** : Có thể gây dị ứng da.
- Nuốt phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích hợp. Có thể nguy hiểm cho người tiến hành cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước làm sạch chỗ quần áo bị dính hóa chất trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện cứu hỏa

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Chưa được biết đến

- Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất** : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất tăng và bình chứa có thể vỡ tung. Vật liệu này rất độc đối với thủy sinh vật. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Sản phẩm phân hủy có thể tạo ra:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxít kim loại

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách sơ tán tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích hợp.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

6. Các biện pháp xử lý tai nạn tràn đổ hóa chất

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích hợp. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Không cho những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ vào khu vực. Không nên tiếp xúc hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương hóa chất. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo mặt nạ phòng độc thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan nguyên vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn. Thu gom chất tràn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ : Ngăn chặn chỗ rò rỉ nếu như không gây nguy hiểm. Di chuyển các thùng sản phẩm khỏi khu vực tràn đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và bỏ vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng : Ngăn chặn chỗ rò rỉ nếu như không gây nguy hiểm. Di chuyển các thùng sản phẩm khỏi khu vực tràn đổ. Tiếp cận phát thải theo chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, rãnh, hệ thống nước ngầm. Vệ sinh và thu gom chất đổ tràn vào hệ thống xử lý nước thải hoặc theo quy trình sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rời cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hóa chất có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

7. Yêu cầu về cất giữ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đùng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không được nuốt. Tránh hít hơi hay sương hóa chất. Tránh thải ra môi trường. Giữ trong thùng chứa ban đầu hoặc trong một thùng chứa khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các thùng chứa đã sử dụng vẫn còn cặn và có thể nguy hiểm. Không sử dụng lại thùng chứa.

7. Yêu cầu về cất giữ

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát : Không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực thao tác, lưu trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và rửa mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo bị dính hóa chất và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8.2 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Lưu giữ trong khu vực riêng biệt và được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10), thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt và kín các thùng đựng cho đến khi mang ra dùng. Các thùng đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng ngăn ngừa rò rỉ. Không chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Không lưu trữ trong các thùng chứa không có nhãn mác. Sử dụng thùng chứa thích hợp để tránh gây ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/ Yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc hơi, màng lọc hay các điều chỉnh kỹ thuật đối với thiết bị trong chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để cởi bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính hóa chất trước khi dùng lại. Đảm bảo bồn rửa mắt và vòi hoa sen được lắp đặt gần vị trí làm việc.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính an toàn có tấm chắn bên hông.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

: Phải luôn luôn mang bao tay chống hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng tay cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng tay vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời hạn sử dụng của găng tay không thể tính chính xác được. Hơn 8 tiếng (thời gian sử dụng) đối với găng tay cao su nitril polyvinyl alcohol (PVA)

Găng tay

: Khi sử dụng thời gian dài hoặc tiếp xúc nhiều lần với găng tay bảo hộ có thể xảy ra, găng tay với một lớp bảo vệ cấp 6 (thời điểm chống chịu lớn hơn 480 phút theo tiêu chuẩn EN 374) được khuyến khích sử dụng. Khi chỉ tiếp xúc trong thời gian ngắn, găng tay với một lớp bảo vệ cấp 2 hoặc cao hơn (thời điểm chống chịu lớn hơn 30 phút theo tiêu chuẩn EN 374) được khuyến khích sử dụng.

THÔNG BÁO : Việc lựa chọn găng tay cụ thể cho một ứng dụng nhất định và thời hạn sử dụng tại nơi làm việc cũng nên đưa vào xem xét cùng với tất cả các yếu tố liên quan khác tại nơi làm việc, nhưng không giới hạn: các hóa chất khác có thể

8. Kiểm soát phơi nhiễm/ Yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

tiếp xúc, yêu cầu về mặt vật lý (bảo vệ khỏi bị cắt / đâm phải , bảo vệ chống nhiệt) , các phản ứng của cơ thể có thể xảy ra với nguyên liệu làm găng tay, cũng như các hướng dẫn sử dụng / thông số kỹ thuật được cung cấp bởi các nhà cung cấp.

Người sử dụng phải xem xét việc chọn lựa loại bao tay nào để làm việc với sản phẩm là thích hợp nhất và nên nhớ các điều kiện cụ thể khi sử dụng, bao gồm đánh giá rủi ro cho người sử dụng.

Phải thay găng tay thường xuyên, và khi có bất cứ dấu hiệu hư hỏng nào của vật liệu găng tay.

Luôn bảo đảm găng tay không có các khiếm khuyết và chúng phải được cất giữ và sử dụng đúng cách.

Bảo vệ thân thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào công việc đang thực hiện và các rủi ro có liên quan phải được chuyên gia phê duyệt trước khi thao tác sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp : Nếu người lao động bị phơi nhiễm vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm.

Các hình thức xử lý như xả nhám bề mặt bột trét có thể tạo bụi nguy hại. Làm việc trong môi trường thông thoáng. Sử dụng thiết bị bảo hộ lao động thích hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Đùng để chảy vào cống hay dòng nước.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng.
Màu sắc	: Khác nhau: Xem nhãn.
Mùi	: Không có sẵn.
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.
pH	: 8,5
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.
Điểm sôi và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	: 100°C
Điểm bùng cháy	: Không áp dụng.
Thời gian cháy	: Không áp dụng.
Mức cháy	: Không áp dụng.
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có sẵn.
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	: Không có sẵn.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	: Không có sẵn.
Áp suất hóa hơi	: Không có sẵn.
Tỷ trọng hơi	: Không có sẵn.
Mật độ tương đối	: 1,277
Tính hòa tan	: Dễ tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh.
Độ hòa tan trong nước	: Không có sẵn.
Hệ số phân chia nước/ Octanol	: Không có sẵn.
Nhiệt độ tự cháy	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
SADT	: Không có sẵn.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Tính dẻo : Động lực học (nhiệt độ phòng): 14,68 cm²/s

10. Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng phản ứng : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

Tính ổn định : Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh : Không có thông tin cụ thể gì.

Các vật liệu không tương thích : Không có thông tin cụ thể gì.

Sản phẩm phân rã có môi nguy : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
terbutryn	LC50 Hít phải Hoi	Chuột	>8 g/m ³	4 giờ

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
terbutryn	Mắt - Chất gây khó chịu vừa phải Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ Thỏ	- -	76 milligrams 380 milligrams	- -
C(M)IT/MIT(3:1)	Da - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Con người	-	0.01 Percent	-

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

11. Thông tin về độc tính

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Hít phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tiếp xúc ngoài da : Có thể gây dị ứng da.
Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- Tiếp xúc mắt** : Không có thông tin cụ thể gì.
Hít phải : Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
Nuốt phải : Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

- Tổng quát** : Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính gây quái thai : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Ảnh hưởng khả năng sinh sản : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Không có sẵn.

12. Thông tin về sinh thái

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
pyrithione zinc	Cấp tính EC50 0,51 µg/l Nước biển Cấp tính EC50 8,25 ppb Nước ngọt	Tảo - Thalassiosira pseudonana Daphnia - Daphnia magna	96 giờ 48 giờ
terbutryn	Cấp tính LC50 2,68 ppb Nước ngọt mãn tính EC10 0,36 µg/l Nước biển mãn tính NOEC 2,7 ppb Nước ngọt Cấp tính EC50 1,4 đến 2,66 mg/l Cấp tính IC50 0,0036 mg/l	Cá - Pimephales promelas Tảo - Thalassiosira pseudonana Daphnia - Daphnia magna Daphnia Tảo - (Selenastrum capricornutum Cá - Lepomis Macrochirus Cá - Oncorhynchus Mykiss	96 giờ 96 giờ 21 ngày 48 giờ 72 giờ 96 giờ 96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
pyrithione zinc	0,9	11	thấp
terbutryn	3,74	-	thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (K_{oc}) : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

13. Yêu cầu trong việc thải bỏ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không thể tái chế được bởi nhà thầu xử lý có giấy phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Các thùng rỗng hay lớp lót có thể còn tồn đọng cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan nguyên vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

14. Yêu cầu trong vận chuyển

Information pertaining to IATA and ADN is considered not relevant since the material is not packaged in the correct approved packaging required of these methods of transport.

Information pertaining to IATA and ADN is considered not relevant since the material is not packaged in the correct approved packaging required of these methods of transport.

	ADR	IMDG
14.1 Số UN	UN3082	UN3082
14.2 Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyên	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (pyrithione zinc)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (pyrithione zinc). Chất gây ô nhiễm biển (pyrithione zinc)
14.3 Nhóm vận chuyển nguy hại Phân loại	9	9
Loại phụ	-	-
14.4 Quy cách đóng gói	III	III
14.5 Mỗi nguy cho môi trường Chất gây ô nhiễm biển Chất gây ô nhiễm biển	Có.	Có. pyrithione zinc
14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng		
Số HI/Kemler	90	
Danh mục cấp cứu (EmS)		F-A, S-F
14.7 Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC)	: Không áp dụng.	
Thông tin bổ sung	This product is not regulated as a dangerous good when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg, provided the packagings meet the general provisions of 4.1.1.1, 4.1.1.2 and 4.1.1.4 to 4.1.1.8.	Sản phẩm này không được quy định là hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển với kích cỡ ≤5 L hoặc ≤5 kg, nếu đóng gói đạt yêu cầu của điều khoản chung 4.1.1.1, 4.1.1.2 và 4.1.1.4 đến 4.1.1.8.

15. Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm : Luật Hóa chất 06/2007/QH12
Thông tư 32/2017/TT-BCT về Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học các chất hóa học theo các lịch trình I, II, III

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

15. Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

[Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền](#)

Không liệt kê.

[Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiểu Biết Trước \(PIC\)](#)

Không liệt kê.

[Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các kim loại nặng](#)

Không liệt kê.

16. Thông tin cần thiết khác

Tên sản phẩm : 140692

Lịch sử

Ngày in : 2-9-2020

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 31-8-2020

Ngày phát hành lần trước : 26-8-2020

Phiên bản : 0.06

Bảng từ viết tắt

: ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
 BCF = Hệ số nồng độ sinh học
 GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
 IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
 IBC = Côngtenơ khổ trung
 IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
 LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước
 MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
 UN = Liên hợp quốc

Tham khảo : Không có sẵn.

✓ Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

GHI CHÚ QUAN TRỌNG Thông tin ở bảng dữ liệu này không thể đề cập hết mọi khía cạnh và dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và dựa trên luật pháp hiện hành; bất kỳ ai sử dụng sản phẩm này cho mục đích khác đã được kiến nghị ở bảng dữ liệu kỹ thuật mà không có sự xác nhận bằng văn bản của chúng tôi trước khi sử dụng như tính phù hợp của sản phẩm cho mục đích ban đầu thì phải chịu rủi ro cho mình. Trách nhiệm của người sử dụng là luôn luôn thực hiện các bước cần thiết để đáp ứng các yêu cầu và quy định của luật địa phương. Luôn đọc bảng dữ liệu an toàn nguyên vật liệu và bảng dữ liệu an toàn kỹ thuật về sản phẩm này. Tất cả các lời khuyên hoặc các báo cáo được đưa ra ở đây hoàn toàn đúng theo hiểu biết của chúng tôi, tuy nhiên chúng tôi không thể kiểm soát hơn nữa về chất lượng hay điều kiện của chất nền hay các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm và ứng dụng của sản phẩm. Vì vậy, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng của sản phẩm hay bất cứ tổn thất hay hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng sản phẩm trừ khi chúng tôi có sự đồng ý rõ ràng bằng văn bản. Tất cả sản phẩm đã cung cấp và các khuyến cáo về kỹ thuật được đưa ra dựa trên các tiêu chuẩn và điều kiện kinh doanh của chúng tôi. Bạn nên có bản sao của tài liệu này và xem xét nó cẩn thận. Thông tin được mô tả ở bảng dữ liệu này có thể được điều chỉnh theo thời gian tương ứng kinh nghiệm và chính sách cải tiến liên tục của chúng tôi. Trách nhiệm của người sử dụng là phải xác minh các thông tin an toàn dữ liệu này và đảm bảo chúng đang hiện hành trước khi sử dụng sản phẩm.

Các tên nhãn hiệu được đề cập trong bảng dữ liệu này là thương hiệu của hoặc được cấp phép cho AkzoNobel.

Văn phòng chính

AkzoNobel Decorative Coatings BV, Christian Neefestraat 2, 1077 WW Amsterdam, Hà Lan